

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2022/DS-ST

Ngày: 28/6/2022

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triều Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Khánh G.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 709/2021/TLST-DS ngày 01/12/2021, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-DS ngày 19/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 589/2022/QĐST-DS ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Bùi Thị C1, sinh năm 1943.
2. Bà Trương Ngọc Ánh H1, sinh năm 1965.
3. Ông Trương Ngọc Quốc H, sinh năm 1967.
4. Ông Trương Ngọc H2, sinh năm 1970.
5. Bà Trương Thị Ngọc H4, sinh năm 1976.

Cùng trú tại: 100/14, khu phố 1, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

6. Bà Trương Ngọc Quốc H5, sinh năm 1963.

Trú tại: 96/1, khu phố 1, phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

* Ông Trương Ngọc H2 là người đại diện theo ủy quyền của bà Cảnh, bà Hồng, ông Hùng, bà Hiếu và bà Hương.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Ngọc H2: Luật sư

Đỗ Thị Bảo G thuộc VPLS Phạm Quốc Trung-Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1944.

Trú tại: 12/5/7 (số cũ 109/30/1B), khu phố 1, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H2, Luật sư G có đơn xin vắng mặt; Bà Đ1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải, ông Trương Ngọc H2 là nguyên đơn và cũng là người người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Bùi Thị C1, bà Trương Ngọc Ánh H1, ông Trương Quốc Hùng, bà Trương Thị Ngọc H4 và bà Trương Ngọc Quốc H5 trình bày: Ngày 20 tháng 9 (âm lịch) năm 1955 ông Trương Văn Mung lập tờ tương phân điền thổ cho con cháu, theo đó thì các con của ông Trương Văn Chuyên gồm (Trương Phát Đạt, Trương Văn Tới, Trương Văn Trước, Trương Văn Diễn và Trương Văn Tiên) và các con của ông Trương Văn Giản gồm (Trương Thị Ngọc Anh, Trương Văn Ngọc Hảo, Trương Văn Ngọc Ân (ông Ân là chồng bà Nguyễn Thị Đ1), bà Trương Thị Ngọc Long, bà Trương Thị Ngọc Xuân, bà Trương Thị Ngọc Sơn. Cụ thể: Con ông Chuyên và con ông Giản cùng thống nhất phân chia, cụ thể: Giao diện tích 8.726,7 m² (nay thuộc thửa 119 và 78 tờ 51 phường Thống Nhất) cho con ông Giản quản lý. Phần diện tích còn lại giao cho con ông Chuyên quản lý.

Các con ông Giản sử dụng chung diện tích 8.726,7 m² thuộc thửa 119 và 78 tờ bản đồ số 51 phường Thống Nhất. Đến năm 2003 ông Trương Văn Ngọc Hảo (chồng của bà Cảnh và cha của bà Hồng, ông Hùng, ông Hiền, bà Hiếu, bà Hương) giao diện tích đất của hai thửa nêu trên cho ông Trương Văn Ngọc Ân (chồng bà Đ1) tạm thời quản lý. Đến năm 2015 ông Hảo chết không để lại di chúc.

Năm 2019 bà Đ1 tự ý đi kê khai hai thửa đất nêu trên nên nguyên đơn đã đề nghị UBND phường Thống Nhất hòa giải phân chia phần diện tích đất mà nguyên đơn được hưởng thừa kế. Tại buổi hòa giải, nguyên đơn đồng ý giao cho bà Đ1 toàn quyền quản lý và sử dụng 02 thửa đất nêu trên. Bà Đ1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn 4.200.000.000đ (bốn tỷ hai trăm triệu đồng). Tại buổi hòa giải bà Đ1 đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng). Còn lại số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) bà Đ1 đề nghị đến cuối năm 2020 khi bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ thanh toán hết cho nguyên đơn. Đến tháng 06/2020 bà Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không chịu thanh toán số tiền 1.200.000.000 đ còn lại cho nguyên đơn như cam kết tại bên bản hòa giải lập ngày 20/01/2020 tại UBND phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ1 thanh toán số tiền còn lại cho các nguyên đơn, cụ thể:

Thanh toán cho: Bà Bùi Thị C1, bà Trương Ngọc Ánh H1, ông Trương Ngọc Quốc H, ông Trương Ngọc H2, bà Trương Thị Ngọc H4 và bà Trương Ngọc Quốc H5 mỗi người 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tất cả những

lần làm việc đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Ngọc H2 có đơn xin vắng mặt và có bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Ngọc H2 nêu: Tại buổi hòa giải phân chia di sản thừa kế tại Ủy ban nhân phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa tổ chức ngày 20/01/2020 thì giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự nguyện thỏa thuận và đi đến thống nhất phân diện tích đất mà các nguyên đơn được hưởng thừa kế của cha là ông Trương Văn Ngọc Hảo chết để lại thuộc hai thửa đất số 78, 119 tờ bản đồ số 51 phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa giao cho bà Nguyễn Thị Đ1 toàn quyền quản lý và sử dụng. Bà Đ1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho các nguyên đơn số tiền là 4.200.000.000đ (bốn tỷ hai trăm triệu đồng), Ngày 20/01/2020 tại trụ sở UBND phường Thống Nhất bà Đ1 đã thanh toán cho các nguyên đơn số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng), còn lại 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) bà Đ1 sẽ thanh toán cho các nguyên đơn khi bà Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên. Việc thỏa thuận được ghi trong biên bản hòa giải do Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa lập ngày 20/01/2020. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh Biên Hòa có văn bản trả lời cho Tòa án, cụ thể: Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 51 phường Thống Nhất được cấp cho bà Nguyễn Thị Đ1 ngày 26/06/2020 và thửa 119, tờ bản đồ số 51 phường Thống Nhất được cấp cho bà Đ1 ngày 22/09/2009). Sau khi nguyên đơn biết được thông tin bà Đ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có gặp yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu lại là 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) cho các nguyên đơn nhưng bà Đ1 cố tình trốn tránh không thực hiện việc cam kết ghi trong biên bản hòa giải do Ủy ban nhân dân phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa lập ngày 20/01/2020.

Từ những nhận định trên, kính đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bà Nguyễn Thị Đ1 phải có nghĩa vụ trả số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng), cụ thể trả cho bà Bùi Thị C1, bà Trương Ngọc Ánh H1, bà Trương Thị Ngọc H4, bà Trương Ngọc Quốc H5, ông Trương Ngọc Quốc H và ông Trương Ngọc H2 mỗi người 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

*** Ý kiến của kiểm sát viên:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự:

Về quan hệ pháp luật: bà Cảnh, bà Hồng, ông Hùng, ông Hiền, bà Hiếu, bà Hương là người khởi kiện yêu cầu bà Đ1 phải trả nợ số tiền 1.200.000.000đ do đó xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp đòi lại tài sản” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Đảm bảo thời hạn theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng; thủ tục hòa giải; thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng

cấp nghiên cứu và quyết định đưa vụ án ra xét xử: thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 97, 175, 207, 208, 209, 210 và 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- **Ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Năm 2019 do bà Đ1 tự ý đi kê khai hai thửa đất nêu trên nên ngày 20/01/2020 nguyên đơn là bà Cảnh, bà Hồng, ông Hùng, ông Hiền, bà Hiếu, bà Hương đã đề nghị UBND phường Thống Nhất hòa giải phân chia phần diện tích đất mà nguyên đơn được hưởng thừa kế. Tại buổi hòa giải, nguyên đơn bà Cảnh, bà Hồng, ông Hùng, ông Hiền, bà Hiếu, bà Hương đồng ý giao cho bà Đ1 toàn quyền quản lý và sử dụng 02 thửa đất nêu trên. Bà Đ1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn 4.200.000.000đ (bốn tỷ hai trăm triệu đồng). Tại buổi hòa giải bà Đ1 đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng). Còn lại số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) bà Đ1 đề nghị đến cuối năm 2020 khi bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ thanh toán hết cho nguyên đơn. Đến tháng 06/2020 bà Đ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay không chịu thanh toán số tiền 1.200.000.000 đ còn lại cho nguyên đơn như đã cam kết tại biên bản hòa giải lập ngày 20/01/2020 tại UBND phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ1 phải thanh toán cho: Bà Bùi Thị C1; Bà Trương Ngọc Ánh H1; Ông Trương Ngọc Quốc H; Ông Trương Ngọc H2; Bà Trương Thị Ngọc H4; Bà Trương Ngọc Quốc H5; Mỗi người 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Cảnh, bà Hồng, ông Hùng, ông Hiền, bà Hiếu, bà Hương là người khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ1 phải trả nợ số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng). Do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp đòi lại tài sản” là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bà Đ1 không đến làm việc nên Tòa án đã tiến hành xác minh thì bà Nguyễn Thị Đ1 cư trú tại số 12/5/7 (số cũ 109/30/1B), khu phố 1, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thì hiện tại nhà đang bỏ trống, bà Đ1 đi đâu không rõ nhưng thỉnh thoảng có về nhà (bút lục số 66). Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Đ1 nhưng bà Đ1 có tình vắng mặt tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử. Về thẩm quyền bị đơn bà Đ1 cư trú tại thành phố Biên Hòa nên Tòa

án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Hiền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hiền có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Năm 2019 do bà Đ1 tự ý đi kê khai hai thửa đất nêu trên nên ngày 20/01/2020 nguyên đơn là bà Bùi Thị C1, bà Trương Ngọc Ánh H1, ông Trương Ngọc Quốc H, ông Trương Ngọc H2, bà Trương Thị Ngọc H4 và bà Trương Ngọc Quốc H5 đã đề nghị UBND phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa hòa giải phân chia phần diện tích đất mà nguyên đơn được hưởng thừa kế. Tại buổi hòa giải, nguyên đơn bà Cảnh, bà Hồng, ông Hùng, ông Hiền, bà Hiếu, bà Hương đồng ý giao cho bà Đ1 toàn quyền quản lý và sử dụng 02 thửa đất số 119 và 78 tờ 51 phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa. Bà Đ1 phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho các nguyên đơn 4.200.000.000đ (bốn tỷ hai trăm triệu đồng). Tại buổi hòa giải bà Đ1 đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng). Còn lại số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) bà Đ1 đề nghị đến cuối năm 2020 khi bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ thanh toán hết cho nguyên đơn. Đến tháng 06/2020 bà Đ1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đến nay không chịu thanh toán số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng) còn lại cho nguyên đơn như đã cam kết tại biên bản hòa giải lập ngày 20/01/2020 tại UBND phường Thống Nhất, thành phố Biên Hòa. Nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ1 phải thanh toán số tiền còn nợ lại cụ thể cho: Bà Bùi Thị C1; Bà Trương Ngọc Ánh H1; Ông Trương Ngọc Quốc H; Ông Trương Ngọc H2; Bà Trương Thị Ngọc H4; Bà Trương Ngọc Quốc H5, mỗi người 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

Từ 800.000.000đ đến 2.000.000.000đ thì mức án phí cụ thể như sau: 36.000.000đ x 3% của số tiền vượt quá 800.000.000đ (1.200.000.000đ-800.000.000đ)=400.000.000đ.[36.000.000 x3%(400.000.000) = 48.000.000đ].

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Đ1 phải chịu 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trương Ngọc Quốc H, ông Trương Ngọc H2, bà Trương Thị Ngọc H4, bà Trương Ngọc Quốc H5, Trương Ngọc Ánh H1.

Bà Bùi Thị C1 là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ các điều 166 và 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Bùi Thị C1, bà Trương Ngọc Ánh H1, ông Trương Ngọc Quốc H, ông Trương Ngọc H2, bà Trương Thị Ngọc H4 và bà Trương Ngọc Quốc H5.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị C1, bà Trương Ngọc Ánh H1, ông Trương Ngọc Quốc H, ông Trương Ngọc H2, bà Trương Thị Ngọc H4 và bà Trương Ngọc Quốc H5 tổng số tiền 1.200.000.000đ (một tỷ hai trăm triệu đồng). Cụ thể trả cho mỗi người 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ1 phải chịu 48.000.000đ (bốn mươi tám triệu) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Trả lại cho ông Trương Ngọc Quốc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000474 ngày 23/11/2021, trả lại cho ông Trương Ngọc H2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000470 ngày 23/11/2021, trả lại cho bà Trương Thị Ngọc H4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000473 ngày 23/11/2021, trả lại cho bà Trương Ngọc Quốc H5 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000472 ngày 23/11/2021, trả lại cho bà Trương Ngọc Ánh H1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000471 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (01);
- VKSND TP. Biên Hòa (02);
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP(03).

Nguyễn Triều Châu